

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
lĩnh vực Công nghiệp địa phương thuộc phạm vi chức năng
quản lý nhà nước của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 758/TTr-SCT ngày 09 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Công nghiệp địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Công Thương dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20/6/2025 để xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. Thủ tục: Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về cách thức thực hiện

Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026 quy định: “*Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết*”.

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Về thành phần hồ sơ

Tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

“- *Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết này);*

- *Quyết định thành lập Cụm công nghiệp (bản sao);*

- *Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư (bản sao);*

- *Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp (bản sao);*

- *Hợp đồng thuê đất (bản sao công chứng);*

- *Văn bản xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có Cụm công nghiệp về việc Cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được Nhà nước cho thuê đất (bản gốc) ”.*

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bãi bỏ 04 thành phần hồ sơ: *Quyết định thành lập Cụm công nghiệp; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư (bản sao); Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp (bản sao); Văn bản xác nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện nơi có Cụm công nghiệp về việc Cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được Nhà nước cho thuê đất.*

Lý do:

- Đối với các thành phần hồ sơ như: *Quyết định thành lập Cụm công nghiệp; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư (bản sao); Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp (bản sao);* trong quá trình thẩm định hồ sơ, trên cơ sở các thông tin do Chủ đầu tư cung cấp tại Mẫu đơn, mẫu tờ khai, Sở Công Thương có thể tra cứu thông tin trên Hệ chương trình quản lý văn bản hồ sơ, công việc của Sở Công Thương hoặc trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh mà không phải yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các thành phần hồ sơ này.

- Đối với “*Văn bản xác nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện nơi có Cụm công nghiệp về việc Cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được Nhà nước cho thuê đất*”: Hiện nay theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, không còn tổ chức cấp huyện, do đó, trong quá trình thẩm định hồ sơ, Sở Công Thương có thể gửi văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã, nơi có Cụm công nghiệp, xác nhận về việc Cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật mà không cần thiết phải yêu cầu Chủ đầu tư phải đi xin xác nhận, làm phát sinh thủ tục hành chính con, tăng chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Mặt khác, việc yêu cầu Chủ tịch UBND cấp huyện xác nhận Cụm công nghiệp đã được Nhà nước cho thuê đất là không cần thiết vì trong thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ đã có “*Hợp đồng thuê đất (bản sao công chứng)*”.

1.3. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày

11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định: *“Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Công Thương có văn bản kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Sở Tài chính; trường hợp Chủ đầu tư/doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp đã đề nghị được thụ hưởng chính sách”*.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, không còn tổ chức cấp huyện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, thay vì yêu cầu tổ chức, cá nhân phải xin xác nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện nơi có Cụm công nghiệp về việc Cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được Nhà nước cho thuê đất (như đã quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND), đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định về việc Sở Công Thương có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã nơi có Cụm công nghiệp xác nhận mức độ hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND.

Mặt khác, hiện nay tổng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo quy định là *21 ngày làm việc*. Đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết xuống còn *10 ngày làm việc*, nhằm rút ngắn thời hạn giải quyết, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân và đảm bảo phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026.

1.4 Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa có các thông tin về việc quyết định thành lập cụm công nghiệp; cụm công nghiệp đã hoàn thành việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật và được nhà nước cho thuê đất; thông tin về quy hoạch chi tiết 1/500; thông tin về dự án đầu tư HTKT CCN đã hoàn thành trong đó có nêu khái quát về các hạng mục đã đầu tư xây dựng.

Do đó, để giảm bớt các chi phí không cần thiết cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC (như phải photo *Quyết định thành lập Cụm công nghiệp; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư; Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Cụm công nghiệp* để nộp kèm hồ sơ) và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định

hồ sơ, đề nghị sửa Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án bổ sung thông tin về việc thành lập CCN và quy hoạch chi tiết 1/500; thông tin về dự án đầu tư HTKT CCN đã hoàn thành trong đó có nêu khái quát về các hạng mục đã đầu tư xây dựng.

1.5. Về yêu cầu điều kiện

- Tại tiết 1 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định điều kiện hỗ trợ như sau: *“Cụm công nghiệp thuộc quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trừ Cụm công nghiệp nằm trên địa bàn các thành phố, thị xã”*.

Tuy nhiên, hiện nay theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), điều kiện này không còn phù hợp. Do đó, đề nghị sửa đổi tiết 1 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Cụm công nghiệp thuộc quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trừ Cụm công nghiệp nằm trên địa bàn các phường”.

- Tại tiết 3 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định điều kiện hỗ trợ như sau:

“Diện tích chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp tối thiểu 10 ha. Riêng Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Mường Lát và Cụm công nghiệp làng nghề tối thiểu 05 ha”.

Tuy nhiên, hiện nay theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), điều kiện này không còn phù hợp. Do đó, đề nghị sửa đổi tiết 3 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Diện tích chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp tối thiểu 10 ha. Riêng Cụm công nghiệp trên địa bàn xã Mường Lát và Cụm công nghiệp làng nghề tối thiểu 05 ha”.

2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh);

- Hợp đồng thuê đất (bản sao công chứng) ”.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“a) Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.

“b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện thẩm định hồ sơ, đồng thời có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi có CCN cung cấp thông tin tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của CCN (đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành). Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Sở Công Thương, UBND cấp xã phải có văn bản trả lời rõ về việc CCN đã hoàn thành hay chưa hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật gửi Sở Công Thương.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của UBND cấp xã, Sở Công Thương tổng hợp kết quả thẩm định gửi kèm hồ sơ, tài liệu liên quan gửi Sở Tài Chính; trường hợp Chủ đầu tư/doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp đã đề nghị được thụ hưởng chính sách.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ, gửi Sở Tài chính và Sở Công Thương.

Sau khi có Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương chuyển Quyết định hỗ trợ về cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban đầu để trả kết quả cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp.

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành”.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Sửa đổi tiết 1 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau: *“Cụm công nghiệp thuộc quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trừ Cụm công nghiệp nằm trên địa bàn các phường”*.

- Sửa đổi tiết 3 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Diện tích chủ đầu tư thuê đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp tối thiểu 10 ha. Riêng Cụm công nghiệp trên địa bàn xã Mường Lát và Cụm công nghiệp làng nghề tối thiểu 05 ha”.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.725.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 317.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.408.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 81,61%.

II. Thủ tục: Hỗ trợ đầu tư dự án sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vào khu vực miền núi

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về cách thức thực hiện

Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026 quy định: *“Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết”*.

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành*

chính công tỉnh thành Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Về thành phần hồ sơ

Tại tiết 5 điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

“+ Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết này);

+ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư (bản gốc);

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (bản sao);

+ Hợp đồng thuê đất (bản sao công chứng);

+ Văn bản xác nhận của Chủ tịch cấp ủy ban nhân dân huyện về việc nhà máy đã đi vào sản xuất (bản gốc) kèm theo hồ sơ dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (bản sao).”

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bãi bỏ 03 thành phần hồ sơ, gồm: *Văn bản xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc nhà máy đã đi vào sản xuất, Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư*

Lý do:

- Đối với *“Văn bản xác nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện về việc nhà máy đã đi vào sản xuất”*: Theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, không còn tổ chức cấp huyện, trong quá trình thẩm định hồ sơ, Sở Công Thương có thể gửi văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã nơi có nhà máy xác nhận về việc nhà máy đã đi vào sản xuất hoặc chưa đi vào sản xuất. Không cần thiết yêu cầu Doanh nghiệp phải đi xin xác nhận dẫn đến làm phát sinh TTHC con dẫn đến làm tăng chi phí tuân thủ, tăng thời hạn giải quyết TTHC.

- Đối với *“Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư”*, *“Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư”*: trong thực hiện thủ tục xin thuê đất (đến thời điểm Doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền ký Hợp đồng thuê đất), Doanh nghiệp đã phải có đầy đủ 02 thành phần hồ sơ này, do đó, việc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp 02 thành phần hồ sơ này là không cần thiết.

1.3. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định: *“Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Công Thương có văn bản kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Sở Tài chính; trường hợp Chủ đầu tư/doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp đã đề nghị được thụ hưởng chính sách”*.

Tuy nhiên, theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp, không còn tổ chức cấp huyện, để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, thay vì yêu cầu tổ chức, cá nhân phải xin xác nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện về việc nhà máy đã đi vào sản xuất (như đã quy định tại tiết 5, điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND), đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định về việc Sở Công Thương có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã về việc nhà máy đã đi vào sản xuất tại tiết 5, điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND.

Mặt khác, hiện nay tổng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo quy định là *21 ngày làm việc*. Đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết xuống còn *10 ngày làm việc*, nhằm rút ngắn thời hạn giải quyết, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân và đảm bảo phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026.

1.4. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa có các thông tin về việc nhà máy đã đi vào sản xuất hay chưa và các thông tin về Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; thông tin về dự án hoàn thành đưa vào sử dụng

Do đó, để giảm bớt các chi phí không cần thiết cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC (như phải photo *Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư* để nộp kèm hồ sơ) và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ, đề nghị sửa Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương

án bổ sung thông tin về việc nhà máy đã đi vào sản xuất hay chưa và các thông tin về Quyết định phê duyệt dự án đầu tư kèm theo dự án đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; thông tin về dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.

1.5. Về yêu cầu điều kiện

- Tại tiết 2 điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định điều kiện hỗ trợ như sau:

“Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này”.

Tuy nhiên, hiện nay theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), điều kiện này không còn phù hợp. Do đó, đề nghị sửa đổi tiết 2 điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này”.

2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi tiết 5 điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ) gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp (theo Mẫu 1, ban hành kèm theo Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2121 của Hội đồng nhân dân tỉnh) (bản gốc);

+ Hợp đồng thuê đất (bản sao công chứng);

+ Hồ sơ dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (bản sao)”

- Sửa đổi khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2121 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“a) Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.

“b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện thẩm định hồ sơ, đồng thời có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi có nhà máy cung cấp thông tin về việc sản xuất của nhà máy (đã đi vào sản xuất hoặc chưa đi vào sản xuất). Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương, UBND cấp xã phải có văn bản trả lời rõ về việc nhà máy đã đi vào sản xuất hoặc chưa đi vào sản xuất gửi Sở Công Thương.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của UBND cấp xã, Sở Công Thương tổng hợp kết quả thẩm định gửi kèm hồ sơ, tài liệu liên quan gửi Sở Tài Chính; trường hợp Chủ đầu tư/doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp đã đề nghị được thụ hưởng chính sách

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ, gửi Sở Tài chính và Sở Công Thương.

Sau khi có Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương chuyển Quyết định hỗ trợ về cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban đầu để trả kết quả cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp.

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.”

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Sửa đổi tiết 2 điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này”

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.618.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 393.750 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.225.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 75,67%.

III. Thủ tục: Hỗ trợ thu hút lao động tại các huyện miền núi

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1 Về cách thức thực hiện

Tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh đang quy định:

“a) Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương 100% TTHC thực hiện phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Về thành phần hồ sơ

Tại tiết 5 điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thành phần hồ sơ gồm:

- “- Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp;*
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);*
- Danh sách lao động đã ký hợp đồng không xác định thời hạn với doanh nghiệp (thể hiện rõ số, ngày, tháng, năm ký hợp đồng và địa chỉ thường trú của lao động) (bản gốc);*
- Danh sách lao động đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên, có xác nhận của bảo hiểm xã hội huyện (bản gốc);*
- Bảng trả lương cho lao động 12 tháng trở lên đến thời điểm hỗ trợ (bản gốc).”*

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ: *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao)*; *Bảng trả lương cho lao động 12 tháng trở lên đến thời điểm hỗ trợ* và gộp 02 danh sách lao động thành 01 danh sách.

Lý do:

- Đối với “*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*”: Trong quá trình thẩm định hồ sơ cơ quan chủ trì có thể tra cứu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp qua cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

- Đối với “*Bảng trả lương cho lao động 12 tháng trở lên đến thời điểm hỗ trợ*”: Doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho lao động tại doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên thì ngẫu nhiên doanh nghiệp đã trả lương cho lao động 12 tháng trở lên.

Mặt khác, việc gộp 02 danh sách lao động thành 01 danh sách sẽ giảm bớt thời gian, chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân, mà vẫn cung cấp được đầy đủ thông tin.

1.3. Về thời hạn giải quyết

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa đang quy định tổng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo quy định là *21 ngày làm việc*.

Đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết xuống còn *10 ngày làm việc*, nhằm rút ngắn thời hạn giải quyết, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân và đảm bảo phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026.

1.4. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa có thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp.

Do đó, để giảm bớt các chi phí không cần thiết cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC (như phải photo *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp* để nộp kèm hồ sơ) và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ, đề nghị sửa Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng

nhân dân tỉnh theo phương án bổ sung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.5. Về yêu cầu điều kiện

- Tại tiết 2 điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định điều kiện hỗ trợ như sau:

“Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các huyện miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này”.

Tuy nhiên, hiện nay theo chủ trương thực hiện mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp (không còn tổ chức cấp huyện), điều kiện này không còn phù hợp. Do đó, đề nghị sửa đổi tiết 2 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này”.

2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi tiết 5 điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (01 bộ) gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp;

+ Danh sách lao động đã ký hợp đồng không xác định thời hạn với doanh nghiệp, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên, trong đó, thể hiện rõ số, ngày, tháng, năm ký hợp đồng, địa chỉ thường trú của lao động và có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở (bản gốc).”

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“a) Chủ đầu tư/doanh nghiệp nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ về Sở Công Thương để xem xét giải quyết.

b) Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Công Thương có văn bản kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Sở Tài chính; trường hợp Chủ đầu tư/doanh nghiệp không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Sở Công Thương có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp đã đề nghị được thụ hưởng chính sách.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Công Thương, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ, gửi Sở Tài chính và Sở Công Thương.

Sau khi có Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương chuyển Quyết định hỗ trợ về cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban đầu để trả kết quả cho Chủ đầu tư/doanh nghiệp.

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện việc chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.”

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Sửa đổi tiết 2 điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo phương án sau:

“Dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp khuyến khích đầu tư vào các xã miền núi của tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết này”.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.312.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 481.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 831.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 63,33%.

IV. Thủ tục: Hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiểu thủ công nghiệp

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về cách thức thực hiện:

Tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định:

“a) Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay và tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến. Đồng thời, sửa đổi địa điểm tiếp nhận hồ sơ từ *Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện* thành *Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh* để đảm bảo phù hợp với chủ trương thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp và thực hiện TTHC phi địa giới theo yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

1.2. Về thành phần hồ sơ

Tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thành phần hồ sơ gồm:

- “- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân;*
- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề (bản gốc).*
- Tờ trình đề nghị công nhận làng nghề của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bản sao).*
- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công nhận làng nghề (bản sao).”*

Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bãi bỏ 03 thành phần hồ sơ: *Tờ trình đề nghị công nhận làng nghề của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định của UBND cấp tỉnh về công nhận làng nghề và Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề.*

Lý do:

- Đối với các thành phần hồ sơ như: *Tờ trình đề nghị công nhận làng nghề của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định của UBND cấp tỉnh về công nhận làng nghề:* Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trên cơ sở các thông tin do tổ chức/cá nhân cung cấp tại Mẫu đơn, mẫu tờ khai, Sở Công Thương có thể tra cứu thông

tin trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh mà không phải yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp hồ sơ này. Mặt khác, làng nghề đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận làng nghề, do đó, việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp thêm *Tờ trình đề nghị công nhận làng nghề của Ủy ban nhân dân cấp huyện* là không cần thiết, không hợp lý, làm tăng chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân

- Đối với *“Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề”*: Trong quá trình thẩm định hồ sơ, khi không còn tổ chức cấp huyện, UBND cấp xã có thể có văn bản yêu cầu cấp thôn xác nhận tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề, mà không cần thiết phải yêu cầu tổ chức, cá nhân phải đi xin xác nhận, làm phát sinh thủ tục hành chính con, tăng chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

1.3. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết

Tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định:

“b) Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi Sở Tài chính; trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đã đề nghị được thụ hưởng chính sách.”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC này về UBND cấp xã, đồng thời thay vì yêu cầu tổ chức, cá nhân phải xin xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề (như đã quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND), đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung quy định về việc UBND cấp xã có văn bản đề nghị cấp thôn nơi có làng nghề xác nhận việc tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND.

Mặt khác, hiện nay tổng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính theo quy định là 25 ngày làm việc. Đề nghị cắt giảm thời hạn giải quyết xuống còn 12 ngày làm việc, nhằm rút ngắn thời hạn giải quyết, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ

TTHC cho tổ chức, cá nhân và đảm bảo phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026

1.4. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Tại Mẫu đơn số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa có thông tin về Quyết định công nhận làng nghề của UBND tỉnh

Do đó, để giảm bớt các chi phí không cần thiết cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC (*như phải photo Quyết định công nhận làng nghề của UBND tỉnh để nộp kèm hồ sơ*) và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ. Đề nghị sửa mẫu đơn số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án bổ sung thông tin về Quyết định công nhận làng nghề của UBND tỉnh

1.5. Về yêu cầu điều kiện

- Tại tiết 1, tiết 2 điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 quy định điều kiện được hỗ trợ như sau:

“- Được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề.

- Được Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định”

Tuy nhiên, để phù hợp với chủ trương thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (bỏ tổ chức cấp huyện), kiến nghị điều chỉnh việc xác nhận xuống cấp thôn. Đồng thời bãi bỏ tiết b điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021.

2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét:

- Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân (theo Mẫu 2, ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)”.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo phương án sau:

“a) Tổ chức/cá nhân nộp trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Trong thời gian 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, đồng thời có văn bản đề nghị cấp thôn nơi có làng nghề xác nhận việc tổ chức, cá nhân có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của UBND cấp xã, cấp thôn phải có văn bản trả lời rõ về việc tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc không có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề gửi UBND cấp xã.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của cấp thôn, UBND cấp xã tổng hợp kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan gửi Sở Tài Chính; trường hợp tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện được hưởng chính sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đã đề nghị được thụ hưởng chính sách.

c) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính căn cứ mức hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ.

đ) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Quyết định hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo bổ sung có mục tiêu của Sở Tài chính thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành”.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu đơn số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Sửa đổi tiết 1 điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo phương án sau:

“- Được cấp thôn xác nhận có thành tích du nhập nghề tạo thành làng nghề mới hoặc khôi phục được làng nghề.

- Bãi bỏ tiết b điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 121/2021/NQ-HĐND ngày 11/10/2021.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.662.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 131.250 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.531.250 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 92,10%/.